

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2023/HS-ST
Ngày 23-8-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Lê Thị Bồng.
- Ông Đinh Công Ó.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Khánh Hòa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Lường Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 55/2023/TLST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Phạm Minh A (tên gọi khác: không), sinh ngày 26 tháng 11 năm 1991 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: bản KT, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do (nguyên là cán bộ Trại giam Yên Hạ, cục C10, Bộ Công an, xuất ngũ ngày 20/4/2023); trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: là Đảng viên Đảng cộng sản Việt Nam (bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 97-QĐ/UBKTHU ngày 13/6/2023 của Ủy ban kiểm tra Huyện ủy Phù Yên); quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1957 và bà Lương Thị Th, sinh năm 1947; bị cáo có vợ là Phan Thị Tr và 01 con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

2. Vũ Tuấn B (tên gọi khác: không), sinh ngày 25 tháng 11 năm 1993 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: bản NB, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn Ch, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1971; bị cáo có vợ là Đào Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án: tại bản án số 28 ngày 21/4/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tuyên phạt 18 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 20/3/2023 đến nay - Có mặt.

3. Nguyễn Văn C (tên gọi khác: không), sinh ngày 03 tháng 7 năm 1991 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: bản KT, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị M, sinh năm 1960; bị cáo có vợ là Hoàng Thị Q và 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

+ Tại bản án số 35 ngày 04/7/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên tỉnh Sơn La tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc

+ Tại bản án số 43 ngày 26/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tuyên phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 12 tháng về tội Đánh bạc

+ Tại bản án số 24 ngày 14/5/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tuyên phạt 24 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc

+ Tại Quyết định số 06 ngày 05/4/2018, bị UBND xã Mường Lang huyện Phù Yên xử phạt Vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023 đến ngày 29/3/2023, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

4. Trương Văn D (tên gọi khác: không), sinh ngày 17 tháng 11 năm 1989 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: bản TL, xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn L (đã chết) và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1958; bị cáo có vợ là Hoàng Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: không; nhân thân:

+ Tại bản án số 16 ngày 30/12/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tuyên phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc

+ Tại bản án số 52 ngày 27/5/2014, bị Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tuyên phạt 09 tháng tù về tội Đánh bạc

+ Tại Quyết định số 7592/QĐ-XPHC ngày 07/11/2018, bị Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc

+ Tại Quyết định số 17709/QĐ-XPHC ngày 05/10/2020, bị Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

5. Nguyễn Văn E (tên gọi khác: không), sinh ngày 12 tháng 12 năm 1984 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: bản NH, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 09/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1955; bị cáo có vợ là Đặng Thị Nh và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023 đến ngày 29/3/2023, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

6. Nguyễn Văn F (tên gọi khác: không), sinh ngày 24 tháng 5 năm 1995 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: bản NB, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1968; bị cáo có vợ là Hà Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

7. Trần Vĩnh E (tên gọi khác: không), sinh ngày 18 tháng 02 năm 1983 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: bản NH, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1955 và bà Vũ Thị Th, sinh năm 1956; bị cáo có vợ là Trịnh Thị L (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2023 đến ngày 29/3/2023, đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

8. Phan Văn G (tên gọi khác: không), sinh ngày 02 tháng 3 năm 1992 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: bản TB, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn B, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1967; bị cáo chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

9. Chử Văn H (tên gọi khác: không), sinh ngày 19 tháng 6 năm 1990 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: bản TB, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 02/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Chử Văn C (đã chết) và bà Lê Thị Ch, sinh năm 1964; bị cáo có vợ là Đỗ Thị P và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

10. Trần Đại I (tên gọi khác: không), sinh ngày 06 tháng 8 năm 1989 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: bản NH, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L, sinh năm 1958 và bà Phan Thị C, sinh năm 1959; bị cáo có vợ là Đinh Thị V và 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

11. Giàng A J (tên gọi khác: không), sinh ngày 30 tháng 12 năm 1984 tại huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: bản SB, xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 01/12; dân tộc: mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; Đảng phái, đoàn thể: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Giàng A D, sinh năm 1963 và bà Hồ

Thị N, sinh năm 1965; bị cáo có vợ là Chợ Thị T và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1999, con nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 21 giờ 30 phút ngày 16/3/2023, cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên nhận được tin báo của quần chúng nhân dân với nội dung: tại khu vực chăn nuôi của bị cáo Phạm Minh A (thuộc bản DL, xã TL, huyện Phù Yên) có nhiều đối tượng tổ chức đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa. Tổ công tác của Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên kiểm tra địa điểm trên và phát hiện nhiều đối tượng ở trong nhà. Khi thấy tổ công tác, các đối tượng đã bỏ chạy chỉ còn lại 05 người gồm: Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn E, Trần Vĩnh E, Trần Đại I và Vũ Tuấn B.

Vật chứng thu giữ trên nền nhà gồm: 01 chiếc bát, 01 chiếc đĩa sứ màu trắng, 01 chiếc kéo, 01 chiếc bạt, 04 quân vị hình tròn bằng giấy, tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.000.000 đồng.

Tạm giữ trên người 05 đối tượng: Nguyễn Văn C là 3.000.000 đồng, Trần Vĩnh E là 3.200.000 đồng, Vũ Tuấn B là 2.500.000 đồng, Nguyễn Văn E là 8.120.000 đồng và Trần Đại I là 3.500.000 đồng.

Quá trình điều tra ban đầu các bị cáo Nguyễn Văn C; Nguyễn Văn E; Trần Vĩnh E; Trần Đại I, Vũ Tuấn B khai nhận: ngoài 05 người còn có 06 người khác cùng tham gia đánh bạc và đã bỏ chạy gồm: Phạm Minh A (chủ nhà), Phan Văn G, Chữ Văn H, Nguyễn Văn F, Trương Văn D và Giàng A J.

Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên đã tiến hành triệu tập 06 người còn lại để làm việc. Các bị cáo đã thừa nhận có tham gia đánh bạc tại lô sản xuất do Phạm Minh A quản lý (tại bản DL, xã TL, huyện Phù Yên) vào tối ngày 16/3/2023. Phạm Minh A đã tự giác giao nộp số tiền đánh bạc: 18.780.000 đồng mà A cầm theo khi bỏ chạy.

Quá trình điều tra, các bị cáo khai nhận: Ngày 15/3/2023, Phạm Minh A trực tiếp gặp và rủ Nguyễn Văn C, Trần Đại I tối ngày 16/3/2023 đến lô sản xuất của A để đánh bạc, dưới hình thức xóc đĩa, C và I đồng ý. Thông qua C và I, 08 bị cáo còn lại cũng nắm được thông tin về việc đến lô sản xuất của A để đánh bạc. Đến khoảng 20 giờ 30 phút ngày 16/3/2023, lần lượt Nguyễn Văn C, Trần Đại I, Phan Văn G, Chữ Văn H, Trương Văn D, Nguyễn Văn F, Giàng A J, Nguyễn Văn E, Trần Vĩnh E, Vũ Tuấn B đến lô sản xuất của A để tham gia đánh bạc. Trong khi đợi mọi người đến, Vũ Tuấn B đã cắt 04 quân vị hình tròn, một mặt trắng, một mặt vàng từ vỏ bao thuốc lá Thăng Long. Phan Văn G đi lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ ở nhà A rồi đưa cho F đốt đốt bát để kiểm tra có gắn chip hay không. Sau đó, 11 người tham gia đánh bạc trên một chiếc bạt đã được trải sẵn ra từ trước. Các đối tượng quy ước A là người trực tiếp cầm cái, xóc 04 quân vị, nếu 02 hoặc 04 quân vị cùng màu thì là chắn, còn 01 hoặc 03 quân vị cùng màu là lẻ. Người chơi sẽ đặt cược chắn hoặc lẻ để xác định thắng thua với người cầm cái, đặt tiền bên tay phải A là cửa chắn, đặt tiền bên tay trái A là cửa lẻ, không quy định mức đặt cược tối thiểu và tối đa. Sau khi người chơi đặt cược tiền, A sẽ

mở bát để tiến hành thắng thua và thanh toán tiền với người chơi. Trong quá trình đánh bạc, A đã thu tiền hồ 300.000 đồng mỗi người từ Nguyễn Văn E, Vũ Tuấn B, Nguyễn Văn F, Trần Đại I, Phan Văn G, Chữ Văn H và 200.000 đồng từ Nguyễn Văn C. Tổng tiền hồ thu được là 2.000.000 đồng, A cũng sử dụng vào việc đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến 21 giờ 30 phút cùng ngày thì bị tổ công tác Công an huyện Phù Yên phát hiện. Lợi dụng đêm tối nên A, G, H, D, F, J đã bỏ chạy, còn lại C, Trần Vĩnh E, Nguyễn Văn E, B và I. Tại thời điểm bị bắt, các bị cáo chưa thừa nhận hành vi đánh bạc. Qua quá trình điều tra, 11 bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của mình. Tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc được xác định gồm: 2.000.000 đồng (thu trên nền nhà) + 3.000.000 đồng (trên người C) + 3.000.000 đồng (trên người Trần Vĩnh E) + 2.500.000 đồng (trên người B) + 8.120.000 đồng (trên người Nguyễn Văn E) + 3.500.000 đồng (trên người I) + 18.780.000 đồng (do A giao nộp) = 41.100.000 đồng. Số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của từng bị cáo được xác định như sau: A là 3.000.000 đồng; G là 2.700.000 đồng; H là 2.600.000 đồng; D là 580.000 đồng; F là 4.800.000 đồng; J là 420.000 đồng; C là 3.000.000 đồng; Nguyễn Văn E là 14.500.000 đồng; Trần Vĩnh E là 3.200.000 đồng; B là 4.000.000 đồng và I là 2.300.000 đồng.

- Ngày 20/3/2023, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên ra Quyết định trưng cầu giám định số: 58/QĐ-HS trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La giám định số tiền vật chứng của vụ án.

Tại Bản kết luận giám định số: 724/KL-KTHS ngày 03/4/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Số tiền VNĐ gửi giám định 41.100.000đ (Bốn mươi một triệu một trăm nghìn đồng) là tiền thật.

Cáo trạng số: 33/CT-VKS ngày 09/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên quyết định truy tố bị cáo Phạm Minh A về tội Tổ chức đánh bạc theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự. Truy tố các bị cáo Phạm Minh A Vũ Tuấn B, Nguyễn Văn C, Trương Văn D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Trần Vĩnh E, Phan Văn G, Chữ Văn H, Trần Đại I, Giàng A J về tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Minh A phạm tội Đánh bạc và Tổ chức đánh bạc; đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vũ Tuấn B, Nguyễn Văn C, Trương Văn D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Trần Vĩnh E, Phan Văn G, Chữ Văn H, Trần Đại I, Giàng A J phạm tội Đánh bạc và đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật xử phạt các bị cáo như sau:

* Về hình phạt:

- Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm đ khoản 1 Điều 55; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Minh A từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt cáo Phạm Minh A từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Vũ Tuấn B từ 06 đến 09 tháng tù giam.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 55 và Điều 56 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp với hình phạt cải tạo không giam giữ chưa chấp hành xong của bị cáo.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội Đánh bạc. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Văn D phạm tội Đánh bạc. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn E phạm tội Đánh bạc. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn F phạm tội Đánh bạc. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 16 đến 22 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Vĩnh E phạm tội Đánh bạc. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 16 đến 22 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn G phạm tội Đánh bạc. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 16 đến 22 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Chữ Văn H phạm tội Đánh bạc. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 16 đến 22 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Đại I phạm tội Đánh bạc. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 16 đến 22 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: phạt tiền bị cáo từ 6.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Giàng A J phạm tội Đánh bạc. Đề nghị xử phạt bị cáo từ 16 đến 22 tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Giao các bị cáo về cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục.

- Miễn khẩu trừ thu nhập đối với các bị cáo áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

* Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 41.100.000đ (Bốn mươi một triệu, một trăm nghìn đồng) trong một phong bì đã được niêm phong dán kín;

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 01 chiếc kéo bằng kim loại, 01 chiếc bát nhựa bằng nilon.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phạm Minh A Vũ Tuấn B, Nguyễn Văn C, Trương Văn D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Trần Vĩnh E, Phan Văn G, Chử Văn H, Trần Đại I phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Giàng A J được miễn án phí hình sự sơ thẩm do cư trú tại bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai trong quá trình điều tra, không có ý kiến gì tranh luận với vị đại diện Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Các bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên. Các bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi phạm tội của các bị cáo.

Xét lời khai của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với biên bản sự việc lập hồi 21 giờ 50 ngày 16/3/2023; biên bản hỏi cung của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên; bản tự khai; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ; kết luận giám định số tiền vật chứng thu giữ; lời khai của người chứng kiến và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 16/3/2023, Phạm Minh A đã rủ rê, lôi kéo, sử dụng địa điểm của mình cho 10 bị cáo khác đến đánh bạc trái phép, quá trình đánh bạc A đã thu tiền của 08 người với tổng số tiền là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Sau đó Phạm Minh A cùng với Vũ Tuấn B, Nguyễn Văn C, Trương Văn D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Trần Vĩnh E, Phan Văn G, Chử Văn H, Trần Đại I, Giàng A J đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, dưới hình thức đánh xóc đĩa với tổng số tiền 41.100.000 đồng tại lô sản xuất do A quản lý thuộc bản DL, xã TL, huyện Phù Yên.

Hành vi của bị cáo Phạm Minh A đã đủ yếu tố cấu thành tội Tổ chức đánh bạc theo điểm b, c khoản 1 Điều 322 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tiền từ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) đến 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

Hành vi của các bị cáo Phạm Minh A, Vũ Tuấn B, Nguyễn Văn C, Trương Văn D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Trần Vĩnh E, Phan Văn G, Chử Văn H, Trần Đại I, Giàng A J đã đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc, theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự, quy định mức hình phạt tiền từ 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) đến 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Phân hóa vai trò phạm tội: Quá trình đánh bạc các bị cáo không có sự phân công, bàn bạc với nhau mà cùng nhau đánh bạc, do đó đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên cần xem xét mức độ phạm tội của từng bị cáo để có một mức án phù hợp, tương xứng với mỗi hành vi của từng bị cáo gây ra.

Bị cáo Phạm Minh A là người khởi xướng, rủ các bị cáo Nguyễn Văn C và Trần Đại I cùng tham gia đánh bạc, nên giữ vai trò chính trong vụ án. Các bị cáo Vũ Tuấn B, Nguyễn Văn C, Trương Văn D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Trần Vĩnh E, Phan Văn G, Chử Văn H, Trần Đại I, Giàng A J cũng tự thống nhất, tự nguyện tham gia đánh bạc do đó là đồng phạm trong vụ án với vai trò thực hành.

Các bị cáo cố ý cùng thực hiện tội phạm do đó các bị cáo phạm tội trong trường hợp đồng phạm theo quy định tại Điều 17 Bộ luật Hình sự, khi quyết định hình phạt cần căn cứ Điều 58 Bộ luật Hình sự xem xét tính chất của đồng phạm, tính chất mức độ tham gia phạm tội của từng bị cáo.

[3] Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo nhận thức được việc đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật, tuy nhiên vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo xâm phạm đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội tại địa phương.

Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ của các bị cáo: Bị cáo Vũ Tuấn B phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; Bị cáo Nguyễn Văn C bản thân có 03 tiền án và 01 tiền sự về tội cùng loại; bị cáo Trương Văn D bản thân có 02 tiền án và 02 tiền sự về tội cùng loại, cả hai bị cáo C và D tại thời điểm phạm tội đã đều chấp hành xong và đã xóa án tích.

Các bị cáo Phạm Minh A, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Trần Vĩnh E, Phan Văn G, Chử Văn H, Trần Đại I, Giàng A J đều có nhân thân tốt, bản thân không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi phạm tội các bị cáo Phạm Minh A Vũ Tuấn B, Nguyễn Văn C, Trương Văn D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Trần Vĩnh E, Phan Văn G, Chử Văn H, Trần Đại I, Giàng A J đều đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn E, Trần Vĩnh E, Vũ Tuấn B, Trần Đại I tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong việc phát hiện tội phạm, là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Phạm Minh A đã có thời gian 12 năm cống hiến trong lực lượng vũ trang, nhiều năm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tháng 4 năm 2021 đã được đơn vị lập danh sách đề nghị Chủ tịch nước tặng Huy chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3, có bà được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì, bị cáo Nguyễn Văn F có ông là thương binh, bị cáo Giàng A J là dân tộc thiểu số trình độ văn hoá thấp nhận thức pháp luật còn hạn chế là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Vũ Tuấn B có tiền án về tội Đánh bạc, chưa được xóa án tích, bị cáo lại tiếp tục có hành vi phạm tội. Do vậy hành vi của bị cáo phải bị xử phạt nghiêm, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Cần áp dụng khoản 2 Điều 56 để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo Phạm Minh A phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, hoàn cảnh gia đình kinh tế ổn định, bị cáo có khả năng nộp phạt tiền theo quy định; do đó, cần áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với hành vi Tổ chức đánh bạc của bị cáo là phù hợp theo quy định của pháp luật. Đối với hành vi đánh bạc, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo là phù hợp.

Các bị cáo Nguyễn Văn C, Trần Đại I, Phan Văn G, Nguyễn Văn F, Nguyễn Văn E, Trần Vĩnh E, Chử Văn H, Trương Văn D, Giàng A J đều có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra ngoài xã hội, mà chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho chính quyền

địa phương giám sát giáo dục là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra, để các bị cáo có thể trở thành người có ích cho gia đình và xã hội về sau, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật đối với các bị cáo.

Đối với thời gian tạm giữ, tạm giam của các bị cáo Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn E, Trần Vĩnh E từ ngày 20/3/2023 đến ngày 29/3/2023 là 09 (Chín) ngày. Theo quy định 01 (Một) ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ, sẽ được khấu trừ sau khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Về hình phạt bổ sung: Đối với bị cáo Phạm Minh A, tội Tổ chức đánh bạc đã bị xử phạt tiền là hình phạt chính nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo. Hành vi đánh bạc của bị cáo A và các bị cáo còn lại nhằm mục đích vụ lợi, do đó ngoài hình phạt chính cần áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, phạt các bị cáo một khoản tiền nhất định là phù hợp với tính chất mức độ hành vi mà các bị cáo gây ra và đúng với quy định của pháp luật.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo do thu nhập của các bị cáo chỉ đủ sinh hoạt, không ổn định.

[5] Về vật chứng của vụ án:

- Đối với số tiền 41.100.000 đồng là tiền thu giữ của các bị cáo. Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xác định số tiền trên là tiền hợp pháp của các bị cáo, đã sử dụng vào việc đánh bạc, do đó cần tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 01 chiếc kéo bằng kim loại, 01 chiếc bát nhựa bằng nylon, quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa, xác định là tài sản hợp pháp của bị cáo Phạm Minh A. Xét là vật cũ không có giá trị sử dụng, các bị cáo đã sử dụng vào việc đánh bạc, do đó cần tuyên tịch thu, tiêu hủy.

[6] Các bị cáo Phạm Minh A, Nguyễn Văn C, Trần Đại I, Vũ Tuấn B, Phan Văn G, Nguyễn Văn F, Nguyễn Văn E, Trần Vĩnh E, Chủ Văn H, Trương Văn D phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Giàng A J được miễn án phí hình sự sơ thẩm do cư trú tại bản đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.

- Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm đ khoản 1 Điều 55; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh A phạm tội Tổ chức đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh A 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng)

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 55; Điều 58; khoản 3 Điều 35; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phạm Minh A phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Phạm Minh A 36 (Ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam

giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58; khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 55 và khoản 2 Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Vũ Tuấn B phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo 06 (Sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt chưa chấp hành là 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ, quy đổi thành 02 (Hai) tháng 21 (Hai mươi một) ngày tù. Bị cáo phải chấp hành 08 (Tám) tháng 21 (Hai mươi một) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 20/3/2023).

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 36 (Ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ, tạm giam. Quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 35 (Ba mươi lăm) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trương Văn D phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Trương Văn D 36 (Ba mươi sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn E phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn E 23 (Hai mươi ba) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ, tạm giam. Quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 22 (Hai mươi hai) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn F phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn F 22 (Hai mươi hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Vĩnh E phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Trần Vĩnh E 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 09 (Chín) ngày tạm giữ, tạm giam. Quy đổi thành 27 (hai mươi bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 20 (Hai

mười) tháng 03 (Ba) ngày cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Phan Văn G phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Phan Văn G 22 (Hai mươi hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Chữ Văn H phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Chữ Văn H 22 (Hai mươi hai) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1,3 Điều 321; điểm i, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 36; khoản 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Trần Đại I phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Trần Đại I 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo 9.000.000đ (Chín triệu đồng).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo Giàng A J phạm tội Đánh bạc.

Xử phạt bị cáo Giàng A J 21 (Hai mươi một) tháng cải tạo không giam giữ. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Phạm Minh A, Vũ Tuấn B, Nguyễn Văn C, Trương Văn D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Trần Vĩnh E, Phan Văn G, Chữ Văn H, Trần Đại I, Giàng A J.

- Thời hạn cải tạo không giam giữ của các bị cáo Phạm Minh A, Nguyễn Văn C, Trương Văn D, Nguyễn Văn E, Nguyễn Văn F, Trần Vĩnh E, Phan Văn G, Chữ Văn H, Trần Đại I, Giàng A J tính từ ngày cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Phạm Minh A, Nguyễn Văn C, Trương Văn D cho Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã TL, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Giao các bị cáo Trần Đại I, Phan Văn G, Chữ Văn H, Nguyễn Văn F, Giàng A J, Nguyễn Văn E, Trần Vĩnh E cho Ủy ban nhân dân xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã MC, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

2. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 41.100.000đ (Bốn mươi một triệu, một trăm nghìn đồng) trong một phong bì đã được niêm phong dán kín.

Tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc bát sứ, 01 chiếc đĩa sứ, 01 chiếc kéo bằng kim loại, 01 chiếc bát nhựa bằng nylon, đều cũ đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 49/BB-GNVC ngày 12 tháng 6 năm 2023 giữa Công an huyện Phù Yên và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên)

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Phạm Minh A, Nguyễn Văn C, Trần Đại I, Phan Văn G, Chủ Văn H, Trương Văn D, Nguyễn Văn F, Nguyễn Văn E, Trần Vĩnh E, Vũ Tuấn B phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ *(Hai trăm nghìn đồng)*.

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Giàng A J.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 23/8/2023).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Công an huyện Phù Yên;
- CQ hồ sơ nghiệp vụ
CA huyện Phù Yên;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- Trại giam;
- THAHS;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Anh Đức